

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON THIÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON THIÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TRẦN THỊ THU HÀ	Hiệu Trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	TRẦN THỊ TUYẾT	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	NGÔ NỮ KIM HOA	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	TRẦN THỊ MỸ NHÀN	Chủ tịch Công đoàn	Thư ký Hội đồng	
5	ĐỖ QUYÊN	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn khối 5 - 6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
6	BÙI THỊ HẰNG	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn khối 4 - 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
7	NGUYỄN THỊ ÚT CHI	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn khối 3 - 4 tuổi và nhóm 25 - 36 tháng	Ủy viên Hội đồng	
8	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	Tổ trưởng văn phòng Thủ quỹ	Ủy viên Hội đồng	
9	TRẦN THỊ BÌNH	Nhân viên y tế	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	
I. Tự đánh giá mức 1,2 và mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	9
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường(Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	10
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	12
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	12
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	13
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	14
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	16
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	17
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	18
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	19
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	22
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	23
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	24
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	26
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	27
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị.	28
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	29
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	30

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	31
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	33
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	34
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	37
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	38
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	40
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	42
II. Kết luận chung	44
Phần III. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X		
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X		
Tiêu chí 2.2		X		
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X		

2. Kết luận: Trường không đạt.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Thiên Đức

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Thị Thu Hà
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	028.37129176
Xã / phường/thị trấn	Xuân Thới Thượng	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2005	Số điểm trường	02
Công lập	Không	Loại hình khác	Không
Tư thực	X	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi					
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi					
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	04	04	04	04	04

Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	05	06	05	05	05
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	04	05	06	05	05
Cộng	14	16	17	16	16

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	14	16	17	16	16	
1	Phòng kiên cố	14	16	17	16	16	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
II	Khối phòng phục vụ học tập	14	16	17	16	16	
1	Phòng kiên cố	14	16	17	16	16	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	04	04	04	04	
1	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
IV	Khối phòng tổ chức ăn						
1							
2							
...							
V	Các công trình, hội phòng chức năng khác (nếu có)		02	02	02	03	
...							
	Cộng	18	22	23	22	23	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01/2020

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01			01		
Phó hiệu trưởng	02	02				02	
Giáo viên	32	32			06	26	
Nhân viên	16	14		15		01	
Cộng	51	49		14	07	29	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tổng số giáo viên	18	25	30	28	32
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	44/0=44	37/2=18.5	68/1=68	83/2=41.5	44/4=11
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	613/17=36	670/23=29.1	634/29=21.8	577/26=22.2	536/28=19.1
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương trở lên (nếu có)					
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)					
Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em :

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số	657	707	702	660	580	
	- Nữ	264	301	266	317	297	
	- Dân tộc thiểu số	3	6	5	5	3	
2	Đối tượng chính sách						
3	Khuyết tật						
4	Tuyển mới	210	170	200	190	121	
5	Học 2 buổi/ngày						
6	Bán trú	657	707	702	660	580	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	613/13 = 47.1/lớp	670/15 = 44.6/lớp	634/15 = 42.2/lớp	576/14 = 41.2/lớp	536/14 = 38.2/lớp	
8	Tỉ lệ trẻ em/ nhóm	44/1= 44/nhóm	37/1= 37/nhóm	68/2= 34/nhóm	83/2= 42/nhóm	44/2= 22/nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi						
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi						
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	44	37	68	83	44	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	187	188	166	163	123	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	234	262	201	197	189	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	192	220	267	217	224	

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

A ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non Thiên Đức được thành lập theo quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 30/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường gồm 01 điểm chính tọa lạc tại số 02 Trần Văn Mười, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, và 01 điểm phụ tọa lạc tại số 11 Trần Văn Mười, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, ban đầu trường được xây dựng dạng cấp 4 gồm 04 phòng học, 01 nhà bếp, 01 phòng hành chính.

Trường Mầm non Thiên Đức có diện tích là 1.232,9 m². Từ tháng 05 năm 2017 trường được sửa chữa và đến tháng 11 năm 2017 đưa vào hoạt động với kết cấu xây dựng 1 trệt, 2 lầu gồm 17 phòng học, 02 phòng chức năng và 1 số phòng ban. Tổng kinh phí sửa chữa là 5 tỷ đồng

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Năm học 2019-2020, trường có 32/32 giáo viên đạt trình độ chuẩn (trong đó trên chuẩn là 06/32 đạt tỷ lệ 18.75 %) được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng số học sinh của trường là 580 trẻ chia thành 16 nhóm lớp từ 25-36 tháng đến 5-6 tuổi.

Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn tạo được niềm tin yêu của phụ huynh, ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá:

- Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Thông qua kết quả tự đánh giá giúp tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của trường để có biện pháp khắc phục, cải tiến chất lượng trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non Thiên Đức tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019: Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công

tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 28 tháng 10 năm 2019 đến ngày 07 tháng 12 năm 2019: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019 đến ngày 05 tháng 01 năm 2020: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 06 tháng 01 năm 2020 đến ngày 17 tháng 01 năm 2020: Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2020: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

Thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài ngày 15 tháng 02 năm 2020 với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ:

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1 : Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Thiên Đức xây dựng kế hoạch năm học hàng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng

tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch năm học thể hiện đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2 : Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Thiên Đức có hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 09 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học mới. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học [H1-1.2-02]. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học trường đã thực hiện từng học kỳ; Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình [H1-1.2-04].

Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ, rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thành lập các hội đồng theo qui định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả. Hiệu trưởng phân công các thành viên hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cập nhật, sắp xếp hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi đầy đủ, thứ tự từng loại hồ sơ, từng giáo viên hợp lý, khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ có tổ chức công đoàn: Công đoàn cơ sở gồm 43 đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]. Trường không có các tổ chức xã hội.

Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt công đoàn khá [H1-1.3-01].

Hàng năm, công đoàn cơ sở đạt khá [H1-1.3-01].

2. Điểm mạnh

Công đoàn trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có tổ chức Đảng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức công đoàn. Ngoài ra, nhà trường sẽ tham gia hội khuyến học, cố gắng giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho tổ chức đảng xem xét và bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Thiên Đức là trường hạng I, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

Trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 01 tổ cấp dưỡng (07 cấp dưỡng) và 03 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối mầm+ nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối chồi, 01 tổ giáo viên khối lá). Tổ văn phòng gồm 03 cán bộ quản lý, 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 03 bảo vệ, 02 phục vụ [H1-1.4-02]. Tổ chuyên môn mầm + nhà trẻ hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng khối tuổi.

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hằng tháng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

Năm học 2018 - 2019 tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 01 chuyên đề cấp trường “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động Giáo dục âm nhạc” [H1-1.4-05].

Hằng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng cấp tuổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2019-2020 và những năm tiếp theo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn sẽ hướng dẫn tổ trưởng, giáo viên xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu từng khối tuổi lần lượt qua các tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 16 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định:

+ Nhóm 25 - 36 tháng : 02

+ Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 04

+ Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 05

+ Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 04 [H1-1-05-01].

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày.

3. Điểm yếu

Số trẻ của các lớp mẫu giáo còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021, trường duy trì phân chia số trẻ đúng độ tuổi. Song song đó, nhà trường tuyển thêm giáo viên để tách thêm lớp đúng số lượng trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, sổ sách của nhà trường đầy đủ, sắp xếp khoa học được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lưu trữ như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01]; Hồ sơ thi đua [H1-1.6-02]; Hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03]; Sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09]. Tuy nhiên việc cập nhật đồ dùng đồ chơi vào sổ tài sản các lớp chưa chặt chẽ và khoa học.

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm Income, phần mềm Foodkids, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật đồ dùng đồ chơi vào sổ tài sản các lớp chưa chặt chẽ và khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời, phân công phó hiệu trưởng hướng dẫn, kiểm tra giáo viên ghi sổ tài sản nhóm lớp chặt chẽ, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên học nâng chuẩn chưa cao (02 CBQL, 03 giáo viên – 5/35, chiếm tỷ lệ 14.29%), chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp [H1-1.7-01].

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, được Cán bộ quản lý hợp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

Hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hàng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên học nâng chuẩn chưa cao (14.29%), chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ. Tạo điều kiện cho đội ngũ nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/01/2017 Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Nhà trường xây dựng, thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp được tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: Mỗi tháng, ban giám hiệu và tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ, thăm lớp, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, tuy nhiên, còn một vài giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; Có biện pháp kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục cho đội ngũ.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện

kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng hiệu cao quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nội vụ, tuy nhiên nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho ban đồng nghiệp [H1-1.9-01].

Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.2-05].

Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo về quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1-09-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho ban đồng nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt

động của tổ chức công đoàn, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng, chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-04]. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

Điểm yếu cơ bản:

Những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ.

Tổ chuyên môn khối mầm và nhà trẻ họp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng cấp tuổi.

Số trẻ của các lớp mẫu giáo chưa đúng theo Điều lệ trường mầm non.

Còn một vài giáo viên soạn kế hoạch và tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới.

Một vài nhân viên ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt không yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Thiên Đức đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ như: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian công tác 18 năm, trong đó có 14 năm làm công tác quản lý. Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục có thời gian công tác 14 năm với 06 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 14 năm với 01 năm làm công tác quản lý. Hiệu trưởng có bằng Cao đẳng sư phạm mầm non, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng có bằng Trung học Sư phạm mầm non, tuy nhiên, cán bộ quản lý của trường chưa tham gia học lớp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

Hàng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Có 03/03 - tỷ lệ 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý của trường chưa tham gia học lớp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đang học lớp Đại học sư phạm mầm non. Ở những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng tham gia lớp đại học Mầm non, lớp lý luận chính trị để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

5. Tự đánh giá : Đạt mức 1

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ: gồm 32 giáo viên, trong đó 04 giáo viên phụ trách nhóm nhà trẻ : 25-36 tháng / 04 giáo viên và 28 giáo viên phụ trách 14 lớp mẫu giáo: 04 lớp 3-4 tuổi; 05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.7-02].

Năm học 2019 – 2020 trường có 32/32 giáo viên - tỉ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên, có 08/32 giáo viên đạt mức khá, tỉ lệ 25% và 24/32 giáo viên đạt yêu cầu, tỉ lệ 75% [H2-2-02-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và đều đạt chuẩn 32/32 giáo viên - tỉ lệ 100%. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn còn thấp (18.75 %).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 có 02 cán bộ quản lý và 03 giáo viên tham gia học nâng chuẩn và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện, thời gian cho giáo viên học nâng chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Mầm non Thiên Đức có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 07 cấp dưỡng và 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm chủ tịch công đoàn [H2-2.3-01].

Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: y tế có trình độ trung cấp; 07 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn [H2-2.3-01]. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02].

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 07 cấp dưỡng và 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm chủ tịch công đoàn [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên kế toán, văn thư chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn. Nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra khuyến khích, tạo điều kiện cho kế toán và văn thư tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho cấp dưỡng học lớp Trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá : Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường đủ số lượng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Nhân viên kế toán, văn thư chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn.

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn còn thấp.

Cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng về lý luận chính trị.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng,biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi – cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích đất là $2652,9 \text{ m}^2$, bình quân 4.57 m^2 /trẻ, được xây dựng kiên cố, một trệt, hai lầu, nền được lát gạch không trơn trượt, riêng nền nhà nhóm trẻ 25 – 36 tháng được trải simili, chưa đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ, cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi hẹp với diện tích $354,4 + 130,5 = 484,9 \text{ m}^2$, được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động [H3-3.1-03]. Các lớp đều có hiên chơi: khối mẫu giáo hiên trước 10 m^2 , bình quân 0.26 m^2 /trẻ. Khối nhà trẻ hiên trước 18 m^2 , bình quân 0.9 m^2 /trẻ; có lan can bao quanh bằng sắt cao 1,4m; có rào chắn an toàn khi trẻ chơi, trường có cây xanh, chưa có vườn cây, vườn rau [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cổng, hàng rào chắc chắn, sân trường có cây xanh đảm bảo cho trẻ được hoạt động vui chơi.

3. Điểm yếu

Diện tích bình quân cho 1 trẻ chưa đảm bảo theo quy định, sân chơi hẹp, chưa có sân vườn, vườn rau để trẻ có cơ hội hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo nhà trường giảm số trẻ để đạt diện tích theo quy định, bố trí vị trí thích hợp để tạo sân vườn cho trẻ hoạt động.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ) đối với lớp mẫu giáo; có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 17 phòng học, trong đó có 02 phòng nhóm nhà trẻ và 15 phòng lớp mẫu giáo. Sử dụng 02 phòng nhóm nhà trẻ 25-36 tháng và 14 phòng lớp mẫu giáo, trong đó 05 phòng lớp 5-6 tuổi, 05 phòng lớp 4-5 tuổi, 04 phòng lớp 3-4 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Phòng sinh hoạt chung: Diện tích phòng khối mẫu giáo 40 m²/phòng, bình quân 1 m²/trẻ; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng, cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng Giáo dục nghệ thuật 40 m² và phòng Giáo dục thể chất có diện tích 50 m² và lịch sinh hoạt cụ thể. Phòng Giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, máy cassette. Phòng giáo dục thể chất có thang leo, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn, phòng thư viện có nội quy phòng thư viện, trang bị đầy đủ các loại kệ để sách, tranh truyện phù hợp, có đủ bàn ghế nệm ... tạo cho trẻ thoải mái khi đọc, xem sách [H3-3.2-03].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Diện tích bình quân là 1 m²/trẻ chưa đảm bảo theo quy định. Phòng Giáo dục thể chất và phòng Giáo dục âm nhạc diện tích hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường bố trí tận dụng hành lang, sảnh liên kế phòng Giáo dục thể chất và phòng Giáo dục âm nhạc để mở rộng diện tích sử dụng sao cho mang lại hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế. Tuy nhiên, chưa có phòng bảo vệ, phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng [H3-3.3-01].

Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên có các biểu bảng theo quy định [H3-3.3-02].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi [H3-3.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy vi tính nối mạng internet. Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu

Diện tích phòng hành chính chưa đảm bảo theo qui định, chưa có phòng bảo vệ, phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ có kế hoạch xin phép sửa chữa, nâng cấp phòng hành chính, xây dựng phòng bảo vệ và phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích **93m² trẻ trung bình 0.16 m²/trẻ**, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, sinh tố, có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.4-01].

Kho thực phẩm với diện tích 8 m², có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-01].

Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm, 01 tủ mát để yaourt [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường mầm non. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, đảm bảo vệ sinh; kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng; có tủ lưu mẫu thức ăn riêng. Bếp ăn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà bếp chưa đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục có kế hoạch duy trì và bảo dưỡng trang thiết bị và đồ dùng nhà bếp. Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo hiệu trưởng sẽ có kế hoạch xin sửa chữa nâng cấp nhà bếp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3.5-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở tính thẩm mỹ chưa cao.

Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm [H3-3.5-03].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Kidmas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3-3.5-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3.5-05].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-06].

Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai,...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở tính thẩm mỹ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục dự trù mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Năm 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để tạo ra đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi;

- b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 05 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-01]. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-02]. Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-05].

Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04]; Các cháu được uống nước máy đun sôi để nguội.

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với HTX Thương Mại – Dịch vụ - Nông nghiệp Bảo Tín, hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh:

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong nhóm, lớp; nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng hợp với cảnh quan và quy định. Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu:

Diện tích nhà vệ sinh chưa đáp ứng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo hiệu trưởng có kế hoạch từng bước mở rộng nhà vệ sinh để đáp ứng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích bình quân cho 1 trẻ chưa đảm bảo theo qui định.

Sân chơi hẹp, chưa có sân vườn, vườn rau để trẻ có cơ hội hoạt động.

Diện tích các phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục âm nhạc, phòng hành chính, nhà bếp, nhà vệ sinh chưa đáp ứng theo Điều lệ trường mầm non.

Trường chưa có phòng bảo vệ, phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể Ban đại diện Cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban, 01 thư ký; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tuy nhiên một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường [H4-4.1-03]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền như: qua các buổi họp phụ huynh học sinh, bản tin của trường, lớp, trao đổi trực tiếp, lễ hội,... để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ

trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; Ký kết quy chế phối hợp với công an xã Xuân Thới Thượng về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp [H4-4.1-03].

Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với trạm y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Học Môn xây dựng trường học An toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp với đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội Bé đến trường, Tết Trung thu, lễ hội Giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, lễ hội Tết và mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương, dâng hương khu di tích Ngã Ba Giồng, tham quan trường Tiểu học [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy xây dựng lộ trình phấn đấu đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chưa đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non Thiên Đức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, ngày cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-02].

Cuối học kỳ, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục [H1-1.4-04]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

32/32 giáo viên đạt tỷ lệ 100% số giáo viên biết áp dụng, thực hiện chương trình, 100% nhóm lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng: Chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi, có nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Năm học 2018 - 2019, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 660/660 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt tốt trên các lĩnh vực giáo dục với tỉ lệ như sau: Thể chất: 583/660 trẻ tỉ lệ 88.3%, nhận thức: 570/660 trẻ tỉ lệ 86.4%, ngôn ngữ: 584/660 trẻ tỉ lệ 86.5%, thẩm mỹ: 527/610 trẻ tỉ lệ 86.4%, tình cảm và kỹ năng xã hội: 587/660 trẻ tỉ lệ 88.9%, có 216/217 trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành

chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 99.5%; 216/217 trẻ lớp lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 99.5% [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại. Tuy nhiên nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm chơi mà học, học bằng chơi.

3. Điểm yếu

Môi trường ngoài lớp học xây dựng chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng

những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé, ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

Năm học 2018-2019: 660/660 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng-dư cân-béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân [H5-5.3-03]. Năm học 2018-2019, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 92/660, đầu ra là 71/660, phục hồi 21/92, tỉ lệ: 22.83 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 05/660, đầu ra là 01/660, phục hồi 04/05, đạt tỷ lệ 80%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 10/660 trẻ, đầu ra là 03/660 phục hồi 07/10, đạt tỷ lệ 70 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 0 [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaour, bánh flan [H5-5.3-04].

Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ, năm học 2018-2019, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 92/660, đầu ra là 71/660, phục hồi 21/92, tỉ lệ: 22.83 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 05/660, đầu ra là 01/660, phục hồi 04/05, đạt tỷ lệ 80%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 10/660 trẻ, đầu ra là 03/660 phục hồi 07/10, đạt tỷ lệ 70 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 0 [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp tốt với bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn và trạm y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi đạt 577/577 tỷ lệ đạt 100 % . Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế, đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến phụ huynh các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, tạo nhiều cơ hội giúp trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;
- b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;
- c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt 91% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 91,6% trẻ lứa tuổi khác đạt 86,5% [H5-

5.4-01]. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do phụ huynh cho trẻ về quê, tham quan du lịch.

Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi, tỉ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2014-2015 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 91,6%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2018-2019, trường có 216/217 trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN đạt tỷ lệ 99.5 %.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng trẻ dư cân, béo phì còn cao. Trong sinh hoạt chuyên môn, một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non Thiên Đức đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả

về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt và không đạt:
- + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 24/25, tỷ lệ 96%
- + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1: 1/25, tỷ lệ 4%
- + Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 2: 15/25, tỉ lệ 60%
- + Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 2: 10/25, tỉ lệ 40%.

Căn cứ Điều 6 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non Thiên Đức tự đánh giá **không đạt mức độ 1**.

- Mức đánh giá của trường mầm non: Không đạt.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm non Thiên Đức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, ban đại diện cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hà

